

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/2018/DS- ST**
Ngày 07- 11- 2018
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ- TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Huệ và ông Nguyễn Đức Nghi

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 17/2017/TLST- DS, ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:06/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Nơi công tác tại Quân chủng phòng không, không quân - tại xã Vĩnh Quỳnh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: ông Phạm Hữu Lâm - Trưởng Văn phòng luật sư Phạm Hữu Lâm và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình (theo văn bản ủy quyền ngày 31/10/2017) “có mặt”.

2. Bị đơn: Cụ Trần Thị Đ, sinh năm 1929 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Trần Thị Đ là ông Nguyễn Văn H 2, sinh năm 1959. Nguyên quán: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số nhà 3A ngõ 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (theo văn bản ủy quyền ngày 05/01/2018) “có mặt”.

3 . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Tú- Chủ tịch UBND thị trấn H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang Tứ - Phó chủ tịch UBND thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình “vắng mặt”.

3.2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949 “vắng mặt”.

Nguyên quán: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số nhà 10B ngõ Lam Sơn, 128 đường An Đà, Phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

3.3. Ông Nguyễn Văn H 1, sinh năm 1955 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3.4. Bà Nguyễn Thị H 4, sinh năm 1957 “có mặt”.

Địa chỉ: Khu Thị An, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3.5. Ông Nguyễn Văn H 2 ,sinh năm 1959 “có mặt”.

Nguyên quán: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Số nhà 3A, ngõ 63 đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

3.6. Bà Nguyễn Thị H 6 (bà Hoàn là người khuyết tật), sinh năm 1964 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị H 6: Ông Lê Chí Diên, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình “có mặt”.

3.7. Bà Nguyễn Thị H 5, sinh năm 1966 “có mặt”.

Địa chỉ: Thôn Khám, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3.8. Ông Nguyễn Văn H 3, sinh năm 1968 “vắng mặt”.

Nguyên quán: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Phòng 604 nhà C2, Khu đô thị ECOPARK thuộc xã Xuân Quang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

Hộ khẩu thường trú: P402, nhà B, Tổ 31, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

4. Người làm chứng: Bà Hoàng Thị Kim D, sinh năm 1962 “vắng mặt”

Địa chỉ: Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2018 của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và tại phiên tòa hôm nay người đại diện của nguyên đơn là ông Phạm Hữu Lâm trình bày:

Cụ Nguyễn Văn Hồng, sinh năm 1927 kết hôn với cụ Trần Thị Đ 1 có 01 người con chung là bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1949. Năm 1954 cụ Đam chết, cùng năm đó cụ Nguyễn Văn Hồng kết hôn với cụ Trần Thị Đ, sinh năm 1929 và có 07 người con chung gồm: ông Nguyễn Văn H 1, sinh năm 1955; bà Nguyễn Thị H 4, sinh năm 1957; ông Nguyễn Văn H 2, sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị H 6, sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị H 5, sinh năm 1966; ông Nguyễn Văn H 3, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971. Ngoài ra cụ Hồng và cụ Điều không có con riêng hoặc con nuôi nào khác. Quá trình chung sống cụ Hồng và cụ Điều có tạo lập được khối tài sản chung là một căn nhà xây 03 gian và công trình phụ nằm trên diện tích 933.9 m² thuộc Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ngày 01 tháng 5 năm 2008 cụ Hồng chết, không để lại di chúc mà chỉ để lại một phần tài sản nằm trong khối tài sản chung với cụ Điều gồm hai thửa đất: Thửa đất 20, tờ bản đồ số 4, diện tích 409,4 m² có tứ cận: Phía Đông dài 1,67 + 7,98 + 7,66 m giáp lô đất số 107; Phía Tây dài 22,40 m giáp đất ông Minh; Phía Nam dài 16,57 + 1,50 m giáp đất ông Dung; Phía Bắc dài 11,99 + 5,02 + 5,01 m giáp đường giao thông Quốc lộ 39A và thửa đất 107, tờ bản đồ số 4, diện tích 199,4 m² có tứ cận: Phía Đông dài 16,82 m giáp thửa đất 18 nhà ông Hường; Phía Tây dài 1,67 + 7,98 + 7,66 m giáp thửa đất số 20; Phía Nam dài 4,22 + 1,05 + 1,76 m giáp đất ông Dung; Phía Bắc dài 13,00 + 2,89 + 2,14 m giáp đường giao thông Quốc lộ 39A.

Ngày 21/8/2017, Nhà nước thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 39A qua Khu K, thị trấn H nên đã thu hồi 150,9 m² đất ở tại thửa đất 20, tờ bản đồ số 4, trị giá 5.000.000đ/01m² và bồi thường tài sản, cây trồng trên đất và công tháo dỡ, di chuyển với số tiền là 1.066.286.503 đồng. Diện tích còn lại tại thửa đất 20, tờ bản đồ số 4 là **258,5 m²** đất ở. Đồng thời thu hồi 106,9 m² đất ở tại thửa đất 107, tờ bản đồ số 4, trị giá 5.000.000đồng/01m² và bồi thường tài sản, cây trồng trên đất với số tiền là 710.972.063 đồng. Diện tích đất còn lại tại thửa đất 107, tờ bản đồ số 4 là **92,5 m²** đất ở. Như vậy, tài sản chung của cụ Hồng, cụ Điều tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Số tiền được Nhà nước bồi thường là **1.777.258.000đồng** (Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi tám nghìn đồng) và diện tích đất còn lại tại 02 thửa đất trên là **351,0m²** đất ở. Ngoài ra trên đất còn một số tài sản khác không có giá trị nên không yêu cầu chia và căn nhà hai tầng diện tích sử dụng 168,3m² được xây dựng năm 2013 hiện đang do cụ Điều quản lý và sử dụng là do một số con cháu của cụ Điều đóng góp tiền của vào để xây dựng nhà cho cụ Điều sau khi cụ Hồng chết nên đây là tài sản riêng của cụ Điều.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồng có 9 người gồm: cụ Trần Thị Đ và các con của cụ Hồng: bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H 1, bà Nguyễn Thị H 4, ông Nguyễn Văn H 2; bà Nguyễn Thị H 6; bà Nguyễn Thị H 5; ông Nguyễn Văn H 3 và ông Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hồng gồm: chia 351 m² đất còn lại tại 02 thửa đất (20 và 107), tờ bản đồ số 04 và chia số tiền Nhà nước bồi thường là 1.777.258.000đồng và (số tiền lãi suất tính đến ngày 26/10/2018 là 19.361.000đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Phòng giao dịch thị trấn H, huyện Hưng Hà) theo pháp luật cho các đồng thừa kế. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho cụ Điều tiếp tục quản lý, sử dụng 02 thửa đất nêu trên và cụ Điều có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho ông Hải giá trị quyền sử dụng đất, tương ứng với kỹ phần mà ông Hải được hưởng là $(351,0 \text{ m}^2 : 2 = 175,5 \text{ m}^2 \times 5.0000.000 \text{ đồng}) : 9 = 97.500.000 \text{ đồng}$ và số tiền $(1.777.258.000 \text{ đồng} + 19.361.000 \text{ đồng} = 1.796.619.000 \text{ đồng}) : 2 = 898.309.000 \text{ đồng}$: 9 = 99.812.000đồng.

Chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H gồm: Bản đồ 299 đo đạc năm 1985; sổ mục kê của Ủy ban nhân dân thị trấn H; Giấy chứng tử của cụ Nguyễn Văn Hồng ngày 01/5/2008; Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới thửa đất 107, thửa đất 20 tờ bản đồ địa chính số 04 ngày 06/9/2007; Chứng minh nhân dân của cụ Điều, ông Hưng, bà Hằng, ông Hải, sổ hộ khẩu gia đình. Biên bản giải quyết ngày 28/10/2017.

Theo văn bản ngày 10/9/2018 của bị đơn là cụ Trần Thị Đ và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của cụ Điều là ông Nguyễn Văn H 2 trình bày:

Ông Hưng xác nhận về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế và nguồn gốc tài sản như đại diện của nguyên đơn trình bày là đúng và nhất trí với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồng theo pháp luật, cho các hàng thừa kế thứ nhất mà đại diện của nguyên đơn đã trình bày ở trên. Ông Hưng trình bày: Cụ Điều có văn bản đề nghị Hội đồng xét xử cho phép ông Hưng được đọc "...tôi Trần Thị Đ kết hôn với ông Nguyễn Văn Hồng vào năm 1954 và có 08 người con để đảm bảo quyền lợi các thành viên trong gia đình tôi (Điều) đề nghị chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Hồng theo pháp luật và đề nghị được tiếp tục quản lý, sử dụng 02 thửa đất 107, tờ bản đồ số 04 (diện tích 199,4m² đất ở) và hiện nay còn lại là 92,5m² và thửa đất 20, tờ bản đồ số 04 (diện tích 409,4m²) diện tích còn lại là 258,5m². Riêng thửa đất 107, tờ bản đồ số 04 diện tích còn lại là 92,5m² đất ở, tôi Điều rất mong muốn được tiếp tục quản lý, sử dụng (sau này khi cụ chết đi) cụ để lại cho các con làm nơi thờ cúng chung. Tôi (Điều) tự nguyện tháo dỡ 03 gian nhà 54,4m² khi cơ quan Nhà nước yêu cầu và có trách nhiệm thanh toán chênh lệch bằng tiền giá trị cho các đồng thừa kế...". Ông Hưng trình bày thêm về số tiền cụ Điều được hưởng là

989.309.000đ + 99.812.000đ = 1.089.121.000đ (Một tỷ không trăm tám mươi chín triệu đồng một trăm hai một nghìn đồng). Ngoài ra số tiền cụ Điều đã có đơn đề nghị để tạm ứng 02 lần (là 400.000.000đồng) với mục đích thuê người tháo dỡ, giải phóng mặt bằng để bàn giao cho Ban quản lý đường quốc lộ 39A, cụ Điều đề nghị Hội đồng xét xử đối trừ số tiền đã ứng nêu trên vào kỷ phần của cụ Điều.

Theo biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay Bà Nguyễn Thị H 4, ông Nguyễn Văn H 2 và bà Nguyễn Thị H 5 trình bày: Các ông, bà đều xác nhận về quan hệ huyết thống và nguồn gốc tài sản như lời khai của ông Nguyễn Văn H 2 (là người được cụ Điều ủy quyền trình bày ở trên) và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồng theo pháp luật và đề nghị giao kỷ phần được hưởng là quyền sử dụng đất cho cụ Điều quản lý, sử dụng và chấp nhận việc cụ Điều thanh toán chênh lệch giá trị bằng tiền mỗi kỷ phần bằng $19,5\text{m}^2 \times 5.000.000/1\text{m}^2$ là 97.500.000đồng (bà Hưởng, ông Hưng, bà Hoàn, bà Hằng mỗi người được thanh toán 97.500.000đồng và được số tiền 99.812.000đồng).

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H 6 ông Lê Chí Diên, Trợ giúp viên pháp lý trình bày: Ông nhất trí về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồng theo quy định của pháp luật. Kỷ phần di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H 6 là quyền sử dụng đất cần giao cho cụ Trần Thị Đ và cụ Điều có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Hoàn. Kỷ phần di sản thừa kế của bà Hoàn được hưởng đề nghị Hội đồng xét xử giao cho ông Nguyễn Văn H 2 là người giám hộ quản lý.

Theo bản tự khai ngày 13/3/2018 của bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà là con của cụ Hồng và cụ Trần Thị Đ 1. Bà thừa nhận về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Hồng và cụ Điều. Đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn bà Đàm đề nghị thừa đất 107, tờ bản đồ số 04 (diện tích $199,4\text{m}^2$ đất ở), diện tích còn lại $92,5\text{m}^2$ đất ở có ngôi nhà thờ 03 gian cụ Hồng đã di chúc lại làm nơi thờ cúng không được phép chia vì cụ Hồng chết có để lại di chúc do ông Hoàng quản lý. Bà Đàm đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật đối với thừa 20, tờ bản đồ số 04 (diện tích $409,4\text{m}^2$) diện tích còn lại $258,5\text{m}^2$ đất ở và số tiền được Nhà nước bồi thường cho hàng thừa kế thứ nhất.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 27/4/2018 và ngày 12/10/2018 của ông Nguyễn Văn H 1 trình bày: Ông Hoàng thống nhất về quan hệ huyết thống và di sản thừa kế của cụ Hồng và cụ Điều, ông Hoàng khẳng định cụ Hồng chết không để lại di chúc như lời trình bày của bà Đàm trong bản khai ngày 13/3/2018. Ông Hoàng đề nghị thừa đất 107, tờ bản đồ số 04 (diện tích $199,4\text{m}^2$ đất ở) và hiện nay còn lại là $92,5\text{m}^2$ có ngôi nhà thờ 03 gian diện tích sử dụng $54,4\text{m}^2$ không được chia mà để sử dụng chung làm nơi thờ tự cho cả chi Họ Nguyễn, do các cụ để lại

cho con cháu, ông Hùng trích gia phả của cụ Nguyễn Văn Quân “03 gian nhà thờ để con, cháu sau này được hưởng lộc của ông cha”. Ông Hùng đề nghị phân chia theo quy định của pháp luật đối với thửa đất 20, tờ bản đồ số 04 (diện tích 409,4m²) diện tích còn lại 258,5m² đất ở và số tiền được Nhà nước bồi thường cho hàng thừa kế thứ nhất.

Theo bản tự khai ngày 18/7/2018 có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Hưng Hà ông Nguyễn Văn H 3 trình bày: Thửa đất 107, tờ bản đồ số 04 (diện tích 199,4m² đất ở) diện tích còn lại 92,5m² đất ở có ngôi nhà thờ 03 gian hiệu “Nam Nguyễn Đường” là tài sản của ông Nội để lại cho con, cháu làm nơi thờ tự, bố ông (cụ Nguyễn Văn Hồng) duy trì việc thờ tự của dòng họ “Nguyễn Đức” và nhà thờ được xây dựng năm 1941. Ông Nguyễn Văn H 3 khẳng định ngôi nhà thờ 03 gian diện tích 54,4m² hiệu “Nam Nguyễn Đường” không phải là tài sản chung của cụ Điều và cụ Hồng. Ông Hùng không đồng ý chia mà để làm nơi thờ cúng và là tài sản chung của mọi người. Thửa đất 20, tờ bản đồ số 04 (diện tích 409,4m²) diện tích còn lại 258,5m² đất ở ông Hùng đề nghị phân chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2018 của người làm chứng Bà Hoàng Thị Kim D trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn H 1 (là con trai của cụ Hồng và cụ Điều) kết hôn vào năm 1982 và sinh sống trên thửa đất 475, bản đồ 299 đo đạc năm 1985, diện tích 465m². Đến năm 2007 bố chồng bà (cụ Nguyễn Văn Hồng) có họp gia đình về việc tách thửa đất có ngôi nhà thờ. Bà Dung và ông Hùng nhất trí tách thửa đất 475 thành thửa đất 107 với diện tích là 199,4m² có ngôi nhà thờ diện tích 54,4 m²(mang tên cụ Nguyễn Văn Hồng và cụ Trần Thị Đ) và thửa 18 diện tích là 325,1m² (hiện do ông Hùng và bà Dung quản lý) có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H. Bà Dung đề nghị thửa đất 107 diện tích còn lại là 92,5m² đất ở và số tiền được bồi thường để làm nhà thờ và sở hữu chung cho mọi người trong gia đình không được chia.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 11/8/2018 của ông Đặng Quang Tứ - đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn H trình bày: Tổng số tiền mà cụ Hồng và cụ Điều được bồi thường tài sản là 1.777.258.000đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi tám nghìn đồng). Do các bên đang có tranh chấp, Tòa án đang trong quá trình giải quyết cho nên Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Hưng Hà căn cứ vào đơn đề nghị của cụ Điều, ông Hùng, ông Hưng về việc tự nguyện đề nghị UBND thị trấn H đại diện gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Phòng giao dịch thị trấn H- Chi nhánh Hưng Hà do ông Đặng Quang Tứ- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn H đứng tên khách hàng gửi số tài khoản 3407601891812. Mã khách hàng 3407-06314438:Ngày23/4/2018 gửi số tiền 1.777.258.000đ (Một tỷ bảy trăm bảy mươi

bảy nghìn hai trăm năm mươi tám nghìn đồng) cùng ngày cụ Điều và ông Hưng có đơn đề nghị rút 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để thuê người tháo dỡ giải phóng mặt bằng để bàn giao cho Ban quản lý đường Quốc lộ 39A. Ngày 26/6/2018 cụ Điều, ông Hưng, ông Hải có đơn đề nghị tạm ứng số tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để ổn định cuộc sống cho cụ Điều và hoàn chỉnh nơi ở sau khi bàn giao mặt bằng cho dự án đường Quốc lộ 39A. Như vậy số tiền gửi còn lại là 1.388.798.100 đồng; kì hạn gửi là **01 tháng**; lãi suất: 4,1% tính đến ngày 26/10/2018 số tiền lãi là 19.361.000đồng. Ông Đặng QuangTứ trình bày sau khi Tòa án xét xử, bản án có hiệu lực ông có trách nhiệm trả lại cho các đồng thừa kế theo quyết định của Tòa án.

Trên thửa đất 107, tờ **bản đồ số 4** diện tích còn lại là **92,5m²** đất ở có **ngôi nhà 03** gian diện tích sử dụng là **54,4m²** đã được bồi thường nhưng gia đình cụ Điều chưa tháo dỡ vì phần lề đường của dự án Quốc lộ 39A chưa được thực hiện. Do vậy Ủy ban nhân dân thị trấn H đề nghị Tòa án xác định: Ngôi nhà 03 gian diện tích 54,4m² trên thửa đất 107, tờ bản đồ số 4 là tài sản đã được bồi thường và chưa giải phóng mặt bằng (Căn cứ vào dự toán số tiền đã được bồi thường cho ngôi nhà 03 gian diện tích sử dụng là 54,4m² là 144.645.751đồng). Ủy ban nhân dân thị trấn H đề nghị Tòa án khi giao thửa đất 107, tờ bản đồ số 4 diện tích còn lại là 92,5m² có ngôi nhà 54,4m² cho người được thừa kế thì cần buộc người thừa kế đó phải tự nguyện tháo dỡ trả lại diện tích đã được bồi thường.

Kết quả Tòa án xác minh: Nguồn gốc thửa đất 107, tờ bản đồ 04, diện tích là 199,4 m² đất ở đang tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Hồng và cụ Trần Thị Đ được tách ra từ thửa đất 475, có diện tích là 465m², theo sổ mục kê và bản đồ 299 đo đạc năm 1985 mang tên ông Nguyễn Văn H 1. Ngày 13/10/2007, ông Nguyễn Văn H 1 và Bà Hoàng Thị Kim D đã viết biên bản về việc chuyển quyền sử dụng đất thổ cư cho cụ Nguyễn Văn Hồng và cụ Trần Thị Đ và được Ủy ban nhân dân thị trấn H xác nhận ngày 21/11/2007.

Nguồn gốc thửa đất số 474, có diện tích là 420m², theo sổ mục kê và bản đồ 299 đo đạc năm 1985 mang tên cụ Nguyễn Văn Hồng.

Các tình tiết mà các bên thống nhất:

Hàng thừa kế: Cụ Hồng có vợ là cụ Trần Thị Đ 1 và cụ Trần Thị Đ có 08 người con gồm: bà Đàm (con cụ Đàm); ông Hường, bà Hường, ông Hưng, bà Hoàn, bà Hằng, ông Hùng, ông Hải, không có con riêng, con nuôi. **Cụ** Đàm không có di sản thừa kế. Di sản thừa kế của cụ Hồng và cụ Điều gồm có: Quyền sử dụng đất ở tại thửa đất 107, tờ bản đồ số 04 diện tích còn lại là 92,5m² đất ở (theo bản đồ 299 năm 1985 và sổ mục kê lưu tại Ủy ban nhân dân thị trấn H được tách ra từ thửa 475) và thửa đất 20, tờ bản đồ số 04, diện tích là 258,5m² đất ở (theo bản đồ 299 năm 1985

và sổ mục kê lưu tại Ủy ban nhân dân thị trấn H được tách ra từ thửa 474 mang tên cụ Hồng).

Diện tích quyền sử dụng đất là $92,5\text{m}^2 + 258,5\text{m}^2 = 351,0\text{m}^2$ đất ở tại Khu K, thị trấn H. Theo biên bản định giá tài sản và các bên có mặt cùng nhất trí giá trị là 5.000.000đồng/ m^2 trị giá: 1.755.000.000đồng (*Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Số tiền đã được bồi thường: Số tiền bồi thường diện tích đất ở, tài sản, cây trồng tại thửa đất 20, tờ bản đồ số 04 là 1.066.286.503đồng (*Một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm linh ba nghìn đồng*). Số tiền bồi thường diện tích đất ở, tài sản, cây trồng thửa đất 107, tờ bản đồ số 04 là 710.972.063đồng (*Bảy trăm mười triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Tổng số tiền mà cụ Hồng và cụ Điều được bồi thường và là di sản thừa kế là: 1.777.258.000đồng (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*). Hiện nay đang gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam-Phòng giao dịch Hưng Nhân- Chi nhánh Hưng Hà.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất:

Cụ Điều, ông Hường, bà Hường, ông Hưng, bà Hằng, ông Hải đều trình bày cụ Hồng chết không để lại di chúc. Bà Đàm trình bày cụ Hồng chết có để lại di chúc nhưng không có chứng cứ tài liệu chứng minh.

Bà Đàm, ông Hường, ông Hùng không nhất trí chia thửa đất 107, tờ bản đồ số 04 diện tích đất còn lại là $92,5\text{m}^2$ mà để sử dụng chung làm nhà thờ. Ông Hùng khẳng định ngôi nhà 03 gian diện tích $54,4\text{m}^2$ hiệu “Nam Nguyễn Đường” không phải là tài sản chung của cụ Điều, cụ Hồng và không đồng ý chia mà để làm nơi thờ cúng và là tài sản chung của mọi người.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và các đương sự gồm cụ Điều, bà Hường, ông Hưng, bà Hằng, ông Hải đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Hường, bà Đàm, ông Hùng không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Xác định cụ Nguyễn Văn Hồng và cụ Trần Thị Đ có khối tài sản chung là 351m^2 đất (tại thửa đất 20 và thửa đất 107 cùng tờ bản đồ số 04) tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà và số tiền được Nhà nước bồi thường là 1.777.258.000đồng và số tiền lãi là 19.361.000đồng. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Văn Hồng cho các đồng thừa kế. Giao cho cụ Trần Thị Đ quản lý, sử

dụng diện tích đất là di sản thừa kế của cụ Hồng và buộc cụ Điều có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với kỹ phần được hưởng cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H 1, bà Nguyễn Thị H 4, ông Nguyễn Văn H 2, bà Nguyễn Thị H 6, bà Nguyễn Thị H 5, ông Nguyễn Văn H 3, ông Nguyễn Văn H. Giao cho ông Nguyễn Văn H 2 quản lý số tiền được hưởng của bà Nguyễn Thị H 6. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H 1 quản lý số tiền được chia của ông Nguyễn Văn H 3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hồng tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình được xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Dung là người làm chứng và đã có đơn xin xét xử vắng mặt Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn H 1 nhưng ông Hường không đến Trụ sở Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao, nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Đàm đã được Tòa án tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ và bà Đàm đã có văn bản trình bày quan điểm nhưng không đến Trụ sở Tòa án để tham gia tố tụng. Ông Hường, bà Đàm đã nhận các văn bản Tố tụng do Tòa án tiến hành tổng đạt và ủy thác thực hiện nhưng vắng mặt căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án ông Hải và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác đều cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn Văn H 3 nhưng Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên và Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội đều trả lời không thể tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Văn H 3 vì không đúng địa chỉ. Ngày 18/7/2018 ông Nguyễn Văn H 3 đã có văn bản trình bày ý chí và nguyện vọng của ông được Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xác nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định “.... Đối với vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế mà nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ và Tòa án đã tiến hành các biện pháp để thu thập, xác minh địa chỉ theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của người đó thì Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Phần tài sản mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ được nhận

thì Tòa án tạm giao cho người thân thích của người đó hoặc người thừa kế khác quản lý...”. Vì vậy tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Cụ Nguyễn Văn Hồng chết ngày 01/5/2008, ngày 30/10/2017 ông Nguyễn Văn H (con của cụ Hồng) khởi kiện tại Tòa yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và số tiền được đền bù giải phóng mặt bằng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 “... *Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản,... kể từ thời điểm mở thừa kế ...*” cho nên thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ Hồng vẫn còn.

[3] Về diện và hàng thừa kế: xác định cụ Nguyễn Văn Hồng kết hôn với cụ Trần Thị Đ 1 (đã chết năm 1954) có 01 người con là bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1949. Năm 1954 cụ Hồng kết hôn với cụ Trần Thị Đ có 07 người con: ông Nguyễn Văn H 1 sinh năm 1955; bà Nguyễn Thị H 4 sinh năm 1957; ông Nguyễn Văn H 2 sinh năm 1959; bà Nguyễn Thị H 6 sinh năm 1964; bà Nguyễn Thị H 5 sinh năm 1966; ông Nguyễn Văn H 3 sinh năm 1968 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971. Do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồng gồm: Cụ Điều, bà Đàm, ông Hường, bà Hưởng, ông Hưng, bà Hoàn, bà Hằng, ông Hùng, ông Hải. Phần di sản thừa kế của cụ Hồng chia theo pháp luật sẽ chia đều cho 09 người thừa kế nêu trên.

[4] Di sản thừa kế của cụ Hồng và cụ Điều gồm:

Quyền sử dụng đất ở: Thừa đất 107, tờ bản đồ số 04 diện tích đất ở còn lại là 92,5m²; Thừa đất 20, tờ bản đồ số 04 diện tích đất ở còn lại là 258,5m² tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Tổng diện tích quyền sử dụng đất là di sản thừa kế là 92,5m² + là 258,5m² = 351,0m² x 5.000.000đồng (như biên bản định giá) = 1.755.000.000đ (*Một tỷ bảy trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

Số tiền đã nhận bồi thường và gửi tại Ngân hàng: Thừa đất 20, tờ bản đồ số 04 là 1.066.286.000đ (*Một tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm linh ba nghìn đồng*). Thừa đất 107, tờ bản đồ số 04 là 710.972.000đ (*Bảy trăm mười nghìn chín trăm bảy mươi hai nghìn không trăm sáu mươi ba nghìn đồng*). Tổng số tiền mà cụ Hồng và cụ Điều tạo lập được gồm: 1.066.286.503 + 710.972.063 là 1.777.258.000đ (*Một tỷ bảy trăm bảy mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*) và số tiền lãi suất gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank) Phòng giao dịch thị trấn H, huyện Hưng Hà. Đây là phần lợi tức từ việc gửi số tiền là di sản thừa kế của cụ Hồng và cụ Điều cần nhập vào chung với di sản thừa kế của cụ Hồng và cụ Điều. Số tiền lãi tính đến ngày 26/10/2018 là 19.361.000đồng (1.777.258.000đồng + 19.361.000đồng = 1.796.619.000đồng).

Theo quy định tại Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cụ Hồng và cụ Điều mỗi người có $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích $92,5\text{m}^2$ đất ở tại thửa đất 107 và $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng diện tích $258,5\text{m}^2$ đất ở tại thửa đất 20 đều thuộc tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 2007 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc hiện trạng ngày 18/4/2018 tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình trị giá $1.755.000.000\text{đ} : 2 = 877.500.000\text{đồng}$ (Tám trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và $\frac{1}{2}$ số tiền $1.796.619.000\text{đồng} : 2 = 898.309.000\text{đồng}$ (*Tám trăm chín mươi tám triệu ba trăm linh chín nghìn đồng*). Do cụ Hồng chết không để lại di chúc nên phần tài sản của cụ Hồng trong khối tài sản chung với cụ Điều chuyển thành di sản thừa kế theo pháp luật.

Đối với ngôi nhà 03 gian có diện tích $54,4\text{m}^2$ trên thửa đất 107, tờ bản đồ số 4 diện tích còn lại là $92,5\text{m}^2$ đất ở, căn cứ vào tài liệu thu thập tại Trung tâm phát triển Quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình và xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, Hội đồng xét xử xác định không phải là di sản thừa kế của cụ Hồng và cụ Điều vì đây là tài sản đã được Nhà nước thu hồi và được bồi thường là tài sản phải tháo dỡ (Căn cứ biên bản kiểm đếm và Quyết định thu hồi thì ngôi nhà 03 gian có diện tích $54,4\text{m}^2$ trên thửa đất 107 số tiền đã được bồi thường là $144.645.751$ đồng trong tổng số tiền $1.777.258.000\text{đồng}$).

Đối với phần tài sản gồm: nhà 02 tầng diện tích sử dụng $168,3\text{m}^2$, cây nhãn có đường kính tán $> 8\text{m}$, các đương sự đều thừa nhận không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn:*

Đối với phần tài sản nhà 02 tầng diện tích sử dụng $168,3\text{m}^2$ là tài sản riêng của cụ Điều không phải di sản thừa kế của cụ Hồng cần được giao cho cụ Điều tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với phần tài sản của cụ Hồng chết để lại là di sản thừa kế đại diện nguyên đơn đề nghị: Cụ Hồng chết không để lại nghĩa vụ tài sản và các khoản chi phí liên quan đến thừa kế. Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất ở là $175,5\text{m}^2$ và số tiền $898.309.000\text{đồng}$ được chia cho 09 người hàng thừa kế thứ nhất. Di sản thừa kế là đất ở do cụ Hồng để lại tại thôn Kiều Thạch, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thì kỹ phần thừa kế của mỗi người chỉ được hưởng có $19,5\text{m}^2$, nên không đủ điều kiện để Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Hải đề nghị giao toàn bộ di sản của cụ Hồng để lại là $175,5\text{m}^2$ đất cho cụ Điều quản lý, sử dụng và cụ Điều phải có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch **giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với kỹ phần được hưởng** cho 8 người con trong hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người là $19,5\text{m}^2 \times 5.000.000\text{đồng} / 01\text{m}^2 = 97.500.000\text{đồng}$. Căn cứ Điều 6 Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 23

tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình quy định (...Đối với đất ở tại nông thôn: Diện tích tối thiểu của thửa đất sau khi tách thửa là $40m^2$; Đối với đất ở tại đô thị: Diện tích tối thiểu của thửa đất sau khi tách thửa là $30m^2$...). Như vậy diện tích $19,5m^2$ không đủ diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở. Vì vậy chấp nhận đề nghị của ông Hải và người đại diện theo ủy quyền cho ông Hải, cần giao cho cụ Trần Thị Đ quản lý, sử dụng diện tích đất là di sản thừa kế của cụ Hồng và buộc cụ Điều có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị quyền sử dụng đất tương ứng với kỹ phần được hưởng cho các đồng thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] *Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hương, bà Hằng, ông Hưng, bà Hoàn* (người giám hộ là ông Hưng) đều đề nghị giao quyền sử dụng đất cho cụ Điều. Chấp nhận việc cụ Điều có nghĩa vụ thanh toán tiền giá trị quyền sử dụng đất cho bà Đàm, ông Hường, bà Hương, bà Hằng, ông Hưng, bà Hoàn, bà Hằng, ông Hải. Sự tự nguyện thỏa thuận này không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ 3 nào khác và việc tự nguyện nhường quyền di sản là quyền sử dụng đất cho cụ Điều không bị lừa dối, không bị ép buộc nên căn cứ vào các Điều 192, 193, 194 của Bộ luật dân sự năm 2015 cần chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Giao kỹ phần di sản là diện tích quyền sử dụng đất của (bà Hương, ông Hưng, bà Hoàn, bà Hằng, ông Hải) cho cụ Điều sử dụng và cụ Điều có trách nhiệm thanh toán cho những người thừa kế nêu trên.

[7] *Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đàm khai cụ Hồng có để lại di chúc nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh do vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận đề nghị của bà Đàm. Xét yêu cầu của bà Đàm, ông Hường, ông Hùng đều không mong muốn chia quyền sử dụng đất tại thửa 107, tờ bản đồ số 04, diện tích còn lại là $92,5m^2$ đất ở để sở hữu chung và làm nhà thờ cho con, cháu là phù hợp với phong tục tập quán nhưng phải được các đồng thừa kế (cụ Điều, bà Hương, ông Hưng, bà Hằng, ông Hải) cùng nhất trí không chia và để sử dụng chung thì mới phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 207, 208 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT – BTN&MT ngày 19 tháng 5 năm 2014. Do vậy, quan điểm của bà Đàm, ông Hường, ông Hùng cùng trình bày là không chia thửa đất 107, diện tích $92,5m^2$ là không có căn cứ chấp nhận.

[8] *Về phân chia di sản theo giá trị:* Cụ Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H 1, bà Nguyễn Thị H 4, ông Nguyễn Văn H 2, bà Nguyễn Thị H 6, bà Nguyễn Thị H 5, ông Nguyễn Văn H 3, ông Nguyễn Văn H thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hồng nên mỗi người được hưởng $1/9$

giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hồng là 898.309.000đồng : 9 = 99.812.000đồng (*Chín mươi chín triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*).

[9] *Về phân chia di sản bằng hiện vật*: Trong quá trình chuẩn bị xét xử cụ Trần Thị Đ có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật. Xét nguyện vọng nhận di sản thừa kế bằng hiện vật của cụ Điều thì thấy: *Thứ nhất*, cụ Điều có 1/2 quyền sử dụng diện tích 92,5m² đất ở tại thửa đất 107 và 1/2 quyền sử dụng diện tích 258,5 m² đất ở tại thửa đất 20 đều thuộc tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 2007 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc hiện trạng ngày 18/4/2018 tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và 1/2 số tiền là 1.796.619.000đồng. Đây là quyền của cụ Điều được hưởng trong khối tài sản chung với cụ Hồng. *Thứ hai*, cụ Điều còn được hưởng thêm 1/9 di sản thừa kế của cụ Hồng để lại trong 1/2 khối tài sản chung của cụ Điều và cụ Hồng. *Thứ ba*, cụ Điều đang sở hữu ngôi nhà kiên cố 02 tầng khép kín diện tích sử dụng 168,3 m² gắn liền với quyền sử dụng 258,5m² đất ở tại thửa đất 20, tờ bản đồ số 04. *Thứ tư*, các đồng thừa kế khác đã có chỗ ở ổn định chỉ có bà Nguyễn Thị H 6 là người khuyết tật đang sống cùng với cụ Điều. *Thứ năm*, căn cứ vào ý chí của cụ Hồng thể hiện văn bản ngày 13/10/2007 và được Ủy ban nhân dân thị trấn H xác nhận ngày 21/11/2007 cho nên cụ Điều rất mong muốn được quản lý để sau này cụ Điều sẽ sử dụng thửa đất 107 và diện tích 92,5m² làm nhà thờ chung cho các con, cháu. Hội đồng xét xử xét thấy giao di sản bằng hiện vật cho cụ Điều, đồng thời cụ Điều có trách nhiệm thanh toán bằng tiền giá trị di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế còn lại là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Do bà Nguyễn Thị H 6 là người khuyết tật (được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng) nên ngày 20/9/2018 ông Nguyễn Văn H 2 đã làm thủ tục đăng ký giám hộ theo Điều 21 Luật Hộ tịch và khoản 3 Điều 46 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ đề nghị của người giám hộ và ông Trợ giúp viên pháp lý, Hội đồng xét xử giao kỹ phần di sản thừa kế của bà Hoàn cho ông Hưng quản lý.

[11] Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp địa chỉ của ông Nguyễn Văn H 3, sinh năm 1968. Trú tại: Phòng 604 nhà C2, Khu đô thị ECOPARK thuộc xã Xuân Quang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Ngày 18/7/2018 ông Nguyễn Văn H 3 đã có bản khai (có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn H) và cung cấp hộ khẩu thường trú: P402, nhà B, Tổ 31, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; căn cước công dân số 034068004434, cấp ngày 19/5/2017; nơi cấp Cục CSĐKQL cư trú và PLQG về dân cư. Tòa án đã tiến hành Ủy thác thu thập chứng cứ, xác minh theo đúng địa chỉ nguyên đơn trong vụ án cung cấp nhưng vẫn không xác định được địa chỉ của ông Hùng, do vậy giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ- CA ngày 06 tháng

04 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nội dung: Đối với kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn H 3 sẽ tạm giao cho ông Nguyễn Văn H 1, sinh năm 1955 (là anh trai ông Hùng) đang sống tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà quản lý, sau này ông Hùng có quyền hưởng thừa kế theo pháp luật.

[12] Cần chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H 2 **không** lấy kỷ phần thừa kế của ông Hùng là số tiền được hưởng (97.500.000đ + 99.812.000đ = 197.312.000đồng) và số tiền của cụ Điều được hưởng sẽ đối trừ số tiền đã tạm ứng (400.000.000đồng) để tự tháo dỡ công trình nhà cấp 4 và hàng rào để giải phóng mặt bằng bàn giao cho Ban quản lý dự án làm Quốc lộ 39A. Số tiền đã tạm ứng (400.000.000đồng) này không ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế khác (bà Đàm, ông Hường, bà Hưởng, ông Hưng, bà Hoàn, bà Hằng, ông Hùng, ông Hải).

[13] Ông Đặng Quang Tứ có trách nhiệm giao dịch tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank)- Phòng giao dịch thị trấn H, huyện Hưng Hà số tiền gửi còn lại là 1.388.798.100VNĐ; kì hạn: 01 tháng; lãi suất: 4,1% tính đến ngày 26/10/2018 là 19.361.000đồng và số lãi cộng dồn tiếp theo **đề trả lại** cho các đồng thừa kế theo quyết định của Hội đồng xét xử.

[14] Về án phí: Cụ Trần Thị Đ có đơn xin miễn án phí dân sự ngày 01 tháng 5 năm 2018 và bà Hoàn là người khuyết tật cần miễn án phí cho cụ Điều và bà Hoàn. Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo kỷ phần được hưởng trong khối di sản thừa kế.

[15] Chi phí tố tụng khác: ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu cả 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí đo máy (VLAP) của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Thái Bình.

[16] Đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hữu Lâm và ông Lê Chí Diên- Trợ giúp viên pháp lý là đúng thực tế phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của cụ Điều, bà Hoàn có căn cứ chấp nhận.

[17] Về phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 227, 229 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 46, 57, 58; khoản 3 Điều 155; 192, 193, 194 Điều 213; khoản 1 Điều 623; Điều 649, khoản 1 Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651; khoản 2 Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 21 Luật Hộ tịch; Căn cứ Điều 1 Luật Đất đai năm 1987; Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 12, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Án lệ số 06/2016/AL ngày 06 tháng 4 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06 tháng 04 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hồng.

2. Xác nhận quyền sử dụng diện tích 92,5m² đất ở tại thửa đất 107 và quyền sử dụng diện tích 258,5 m² đất ở tại thửa đất 20 đều thuộc tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 2007 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc hiện trạng ngày 18/4/2018 tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình và số tiền là **1.796.619.000 đồng** (*Một tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng*) là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn Hồng và cụ Trần Thị Đ.

3. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hồng là 1/2 quyền sử dụng diện tích 92,5m² đất ở tại thửa 107 và 1/2 quyền sử dụng diện tích 258,5 m² đất ở tại thửa 20 đều thuộc tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 2007 tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (**tổng là 175,5 m²**) có giá trị 877.500.000 đồng (*Tám trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) và ½ số tiền 1.796.619.000 đồng là 898.309.000 đồng (*Tám trăm chín mươi tám triệu ba trăm linh chín nghìn đồng*).

4. Chia giá trị di sản thừa kế:

4.1. Cụ Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H 1, bà Nguyễn Thị H 4, ông Nguyễn Văn H 2, bà Nguyễn Thị H 6, bà Nguyễn Thị H 5, ông Nguyễn Văn H 3, ông Nguyễn Văn H mỗi người được hưởng 1/9 giá trị di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn Hồng là **99.812.000 đồng** (*Chín mươi chín triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*).

4.2 Giao cho cụ Trần Thị Đ được quyền sử dụng: Thửa đất 107, tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 2007 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc hiện trạng ngày 18/4/2018 diện tích 92,5m² đất ở tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ kèm theo). Tứ cận độ dài các cạnh như sau: Phía Đông có chiều dài 10,29m giáp với thửa đất 18 nhà ông Hường; Phía Tây có chiều dài 9,64m giáp với thửa đất 20 nhà cụ Diệu; Phía Nam có chiều dài 7,03m giáp với thửa đất ông Dung; Phía Bắc có chiều dài 13,48m giáp với đường giao thông Quốc lộ 39A (Trên thửa đất có ngôi nhà 03 gian diện tích 54,4m²). Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Trần Thị Đ tự nguyện tháo dỡ khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền yêu cầu

tháo dỡ và được quyền sử dụng thửa đất 20 tờ bản đồ số 04 đo đạc năm 2007 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc hiện trạng ngày 18/4/2018 diện tích 258,5 m² đất ở tại Khu K, thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (có sơ đồ kèm theo). Tứ cận độ dài các cạnh như sau: Phía Đông có chiều dài 9,66m giáp với thửa đất 107; Phía Tây có chiều dài 13,12m giáp với thửa đất ông Minh; Phía Nam có chiều dài 18,07m giáp với thửa đất ông Dung; Phía Bắc có chiều dài 21,56m giáp với đường giao thông Quốc lộ 39A (Trên thửa đất có ngôi nhà 02 tầng công trình phụ khép kín diện tích sử dụng là 168,3m² và 01 cây nhãn có đường kính tán >8m).

Cụ Trần Thị Đ có quyền làm thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai đối với 02 thửa đất nêu trên.

5. Cụ Trần Thị Đ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch **bằng tiền** giá trị tài sản là quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H 1, bà Nguyễn Thị H 4, ông Nguyễn Văn H 2, bà Nguyễn Thị H 6, bà Nguyễn Thị H 5, ông Nguyễn Văn H 3, ông Nguyễn Văn H mỗi người 97.500.000đồng (*Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

6. Giao cho ông Nguyễn Văn H 2 quản lý số tiền 99.812.000đồng (*Chín mươi chín triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*) của bà Nguyễn Thị H 6.

7. Tạm giao cho ông Nguyễn Văn H 1 quản lý số tiền 99.812.000đồng (*Chín mươi chín triệu tám trăm mười hai nghìn đồng*) của ông Nguyễn Văn H 3.

8. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H 2 không nhận kỷ phần được hưởng (97.500.000đồng + 99.812.000đồng = 197.312.000đồng) để đổi trừ số tiền ông Hưng, ông Hải và cụ Điều đã tạm ứng là 400.000.000đồng. Cụ Trần Thị Đ không phải thanh toán chênh lệch bằng tiền **giá trị tài sản là quyền sử dụng đất** cho ông Nguyễn Văn H 2 **số tiền** 97.500.000đồng (*Chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*).

9. Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Hưng Hà người đại diện theo ủy quyền ông Đặng Quang Tứ- Phó chủ tịch (khách hàng) đứng tên giao dịch với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (Agribank) Phòng giao dịch thị trấn H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình để nhận lại số tiền từ số tài khoản 3407601891812. Mã khách hàng 3407- 06314438, tiền mặt 1.388.798.100VNĐ; kì hạn: 01tháng, lãi suất: 4,1% (tính đến ngày 26/10/2018 là 19.361.000đồng) để thanh toán cho những người thừa kế nêu trên.

10. *Về án phí*: Cụ Trần Thị Đ, bà Nguyễn Thị H 6 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H 1, bà Nguyễn Thị H 4, ông Nguyễn Văn H 2, bà Nguyễn Thị H 5, ông Nguyễn Văn H 3, ông Nguyễn Văn H mỗi người phải chịu 9.865.000đồng (*Chín triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí. Ông Nguyễn Văn H được trừ 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005017 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Ông Hải còn phải nộp 6.865.000đồng (*Sáu triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*).

11. Về chi phí tố tụng khác: Ông Nguyễn Văn H tự nguyện chịu cả 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và chi phí đo máy toàn đạc (VLAP) của Công ty TNHH Tài nguyên và Môi trường Thái Bình.

12. Về quyền kháng cáo: Ông Hưng, bà Hương, bà Hằng, ông Diên có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 07/11/2018).

Cụ Điều, bà Đàm, ông Hường, ông Hùng, ông Hải có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Kèm theo Bản án số 09/2018/DS-ST, ngày 07/11/ 2018 là 01 sơ đồ gồm: Thửa đất 107 và thửa đất 20).

Nơi nhận

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng

